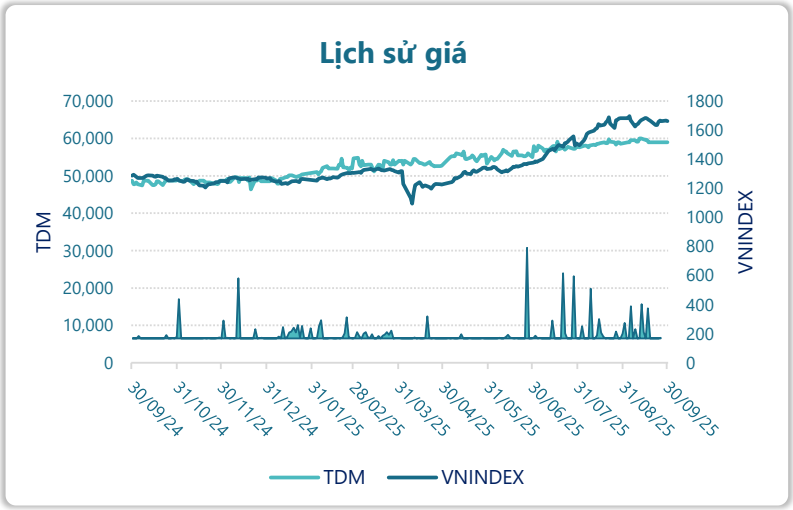
FireAnt

CTCP Nước Thủ Dầu Một (HSX: TDM)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**59,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	60,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,366
SL cổ phiếu LH	111,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,325
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,555
P/E	25.5
EPS	2,314

DT thuần

Q3/25

64.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.9| -36.0%

YoY: ▼42.0| -39.7%

LN sau thuế

Q3/25

3.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.5| -94.0%

YoY: ▼54.3| -94.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

21.9%

+/- YoY: ▼ 37.4%

DT thuần

9T 2025

264

tỷ VNĐ

YoY: ▼136| -34.0%

LN sau thuế

9T 2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 53.0| 35.9%

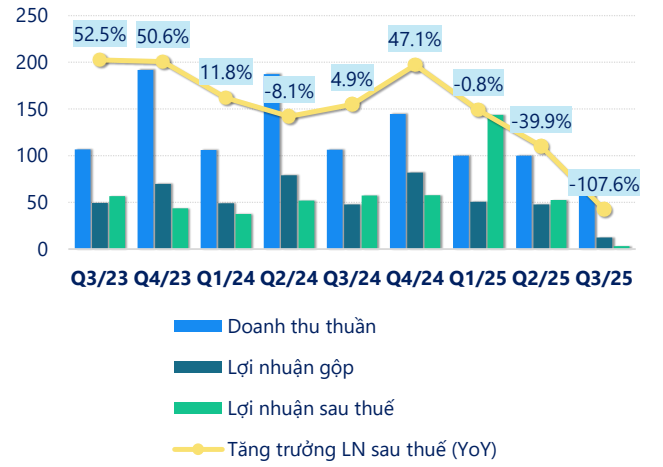
ROE

Q3/25

10.2%

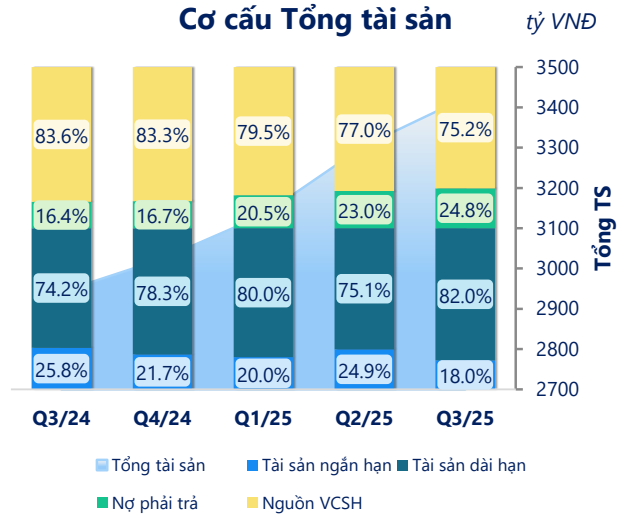
+/- YoY: ▲ 1.9%

Kết quả kinh doanh



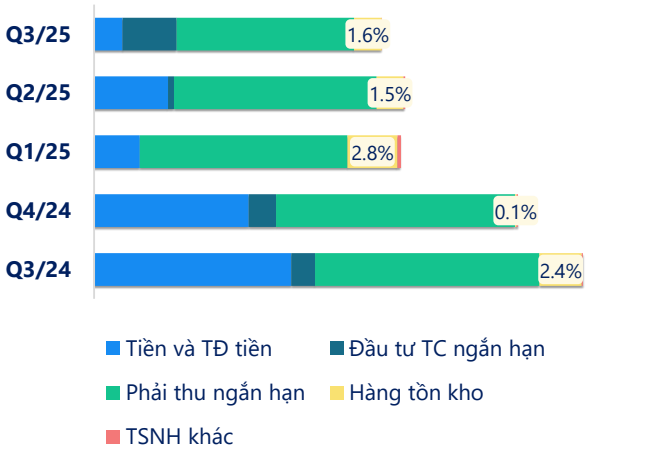
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



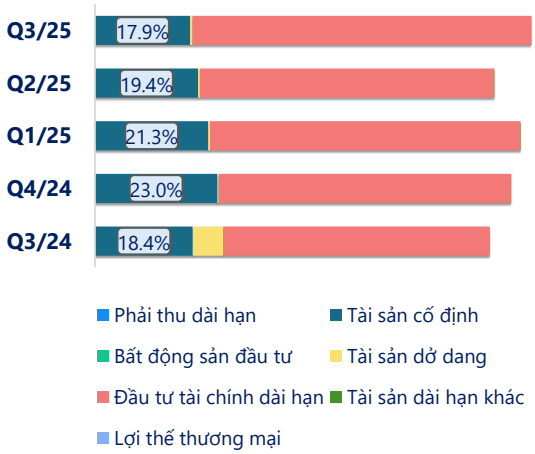
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



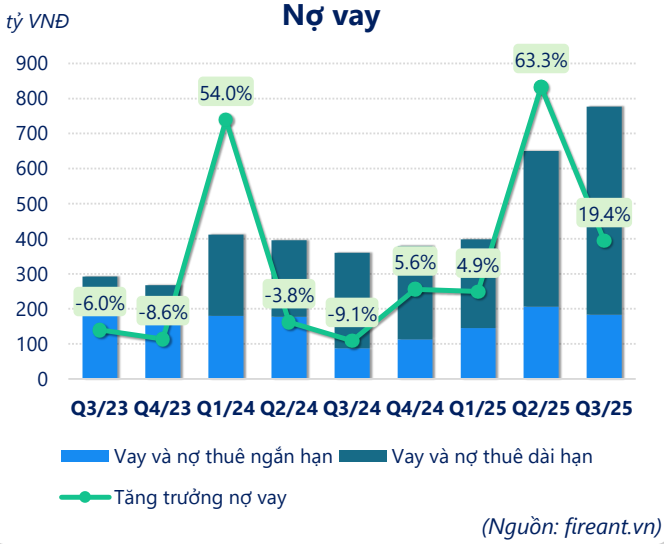
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



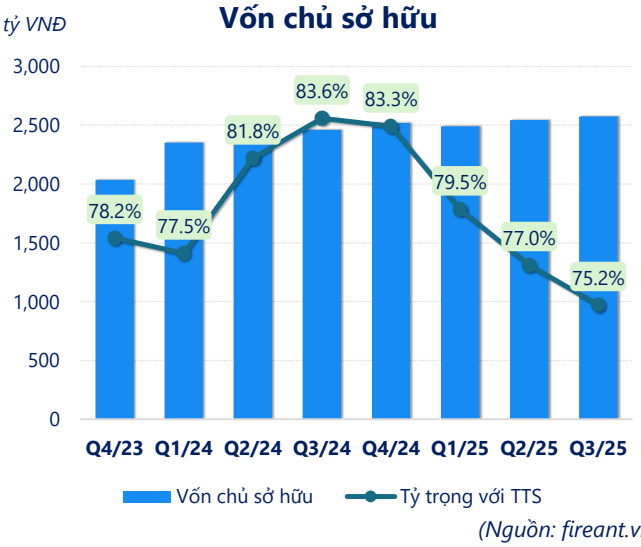
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



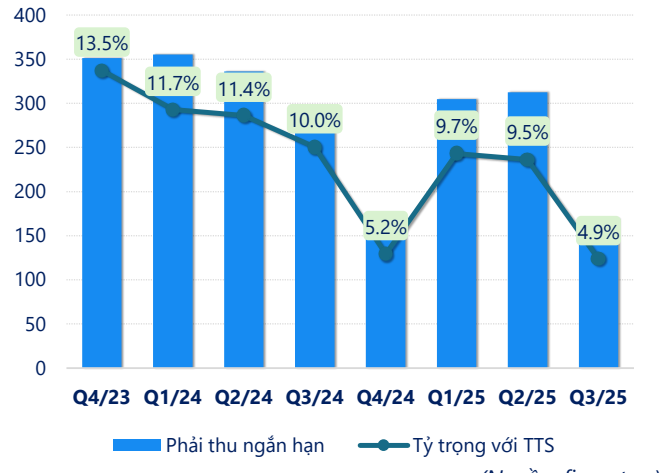
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



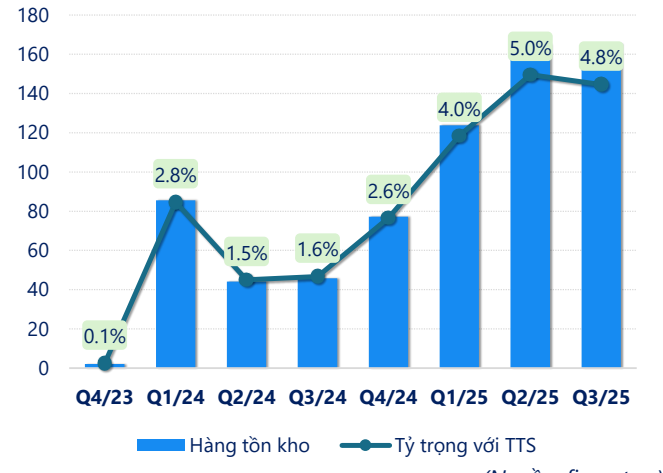
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



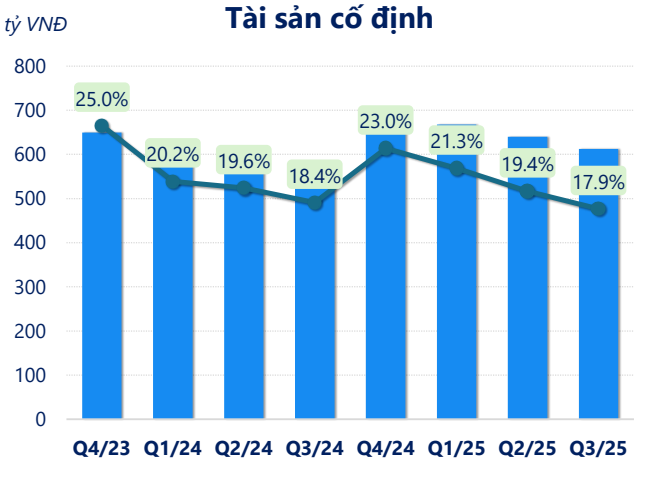
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



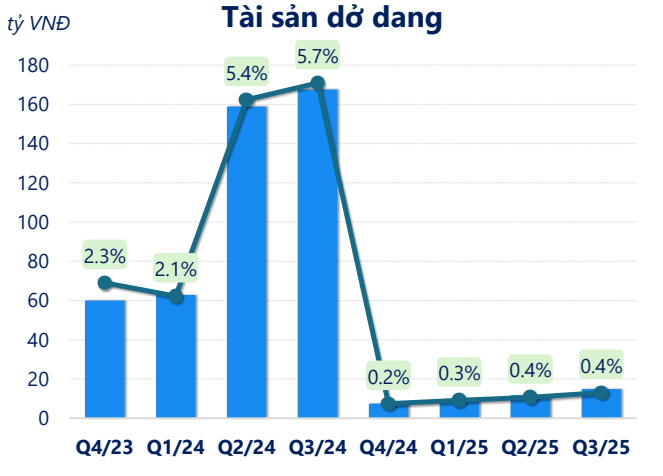
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



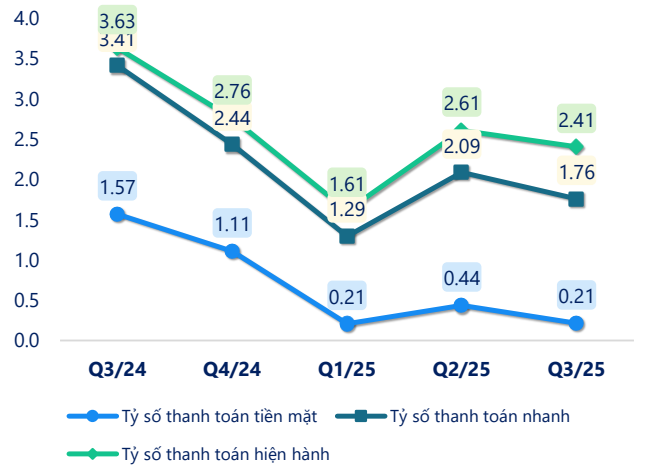
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



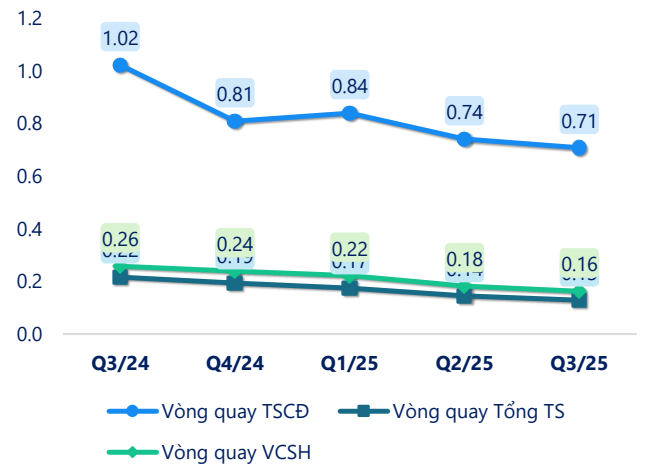
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,942**	**3,024**	**3,133**	**3,304**	**3,424**
Tài sản ngắn hạn	**758**	**657**	**626**	**823**	**616**
Tiền và tương đương tiền	327	264	80.8	138	54.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.0	157	113	204	221
Phải thu ngắn hạn	295	156	305	312	169
Hàng tồn kho	45.8	77.3	124	165	165
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	2.93	4.50	4.76	5.76
Tài sản dài hạn	**2,183**	**2,366**	**2,507**	**2,481**	**2,808**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	542	696	668	640	612
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	168	7.48	9.53	11.7	14.9
Đầu tư tài chính dài hạn	1,474	1,662	1,829	1,829	2,181
Tài sản dài hạn khác	0.65	0.48	0.33	0.61	0.39
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**481**	**505**	**641**	**760**	**850**
Nợ ngắn hạn	**209**	**238**	**388**	**315**	**256**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.4	112	145	206	183
Phải trả người bán ngắn hạn	6.00	6.57	8.80	6.08	4.91
Nợ dài hạn	272	267	253	445	594
Vay và nợ thuê dài hạn	272	267	253	445	594
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,461**	**2,518**	**2,492**	**2,544**	**2,574**
Vốn chủ sở hữu	**2,461**	**2,518**	**2,492**	**2,544**	**2,574**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,111
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)